TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 08-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lý Văn M, sinh năm 1992, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 00/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lý Văn M1 và bà Thái Thị T (chết); Chưa có vợ, con; Tiền sự: 01 lần, ngày 07/01/2022, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 30/12/2022; Tiền án: Chưa có; Nhân thân: Ngày 20/4/2009, bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng, về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 01/02/2011; Tạm giữ: Ngày 20 tháng 01 năm 2024; Tạm giam: Ngày 29 tháng 01 năm 2024; Có mặt.

2. Nguyễn Tấn T1 (còn có tên là Tài H, Tài H1), sinh năm 1991, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lê Thị H2 (chết); Có vợ và 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: 07, (1) Bản án số 20/2011/HSST ngày 15/9/2011, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù

về tội cướp tài sản, chấp hành xong ngày 30/8/2013, (2) Bản án số 18/2015/HSST ngày 14/5/2015, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 29/01/2016, (3) Bản án số 25/2017/HSST ngày 05/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, (4) Bản án số 18/2018/HS-ST ngày 26/3/2018, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 25/2017/HSST là 02 năm 09 tháng tù, (5) Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 16/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, (6) Bản án số 29/2018/HS-ST ngày 27/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, (7) Bản án số 24/2018/HS-ST ngày 06/7/2018, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với các Bản án số 18/2018/HS-ST, 26/2018/HS-ST, 29/2018/HS-ST là 06 năm tù, chấp hành xong ngày 06/3/2023; Nhân thân: Ngày 27/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấm dứt ngày 08/9/2017 do có hành vi trộm cắp tài sản bị truy nã; Tạm giữ: Ngày 19 tháng 02 năm 2024; Tạm giam: Ngày 28 tháng 02 năm 2024; Có mặt.

- *Bị hại*:

1. Lê Văn T2, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, Đồng Tháp; Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn V, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. Trần Văn K, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, Đồng Tháp; Vắng mặt.

4. Trần Văn T3, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, Đồng Tháp; Vắng mặt.

5. Nguyễn Văn La T4, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, Đồng Tháp; Vắng mặt.

6. Trần Vũ L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, Đồng Tháp; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đặng Quốc P, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

2. Điều Phương V1, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

3. Nguyễn Thị T5 (Bà 5), sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

4. Huỳnh Văn N, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

5. Đỗ Duy K1, sinh năm: 2005. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

6. Trang Ngọc T6 (9 Cù), sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Thị Thiên T7, Huỳnh Văn S, Phạm Văn T8, Nguyễn Phương T9, Phạm Thị D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 15/01/2024, Lý Văn M đi bộ vào đường nội đồng thuộc thị trấn T để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, M đi bộ đến Trung tâm y tế huyện H, thuộc khóm T, thị trấn T, nhìn thấy xe mô tô biển số 66G1-413.26, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn đỏ - đen của anh Trần Vũ L dựng tại khu đất trống, không có người trông coi. Mẫn đi lại dùng tay kéo yên xe lên và đưa tay vào trong cốp xe lục soát tìm tài sản để lấy trộm, lấy được 1 chìa khóa xe và giấy tờ xe. M dùng chìa khóa khởi động xe điều khiển chạy về hướng thành phố H. Sau đó, dùng điện thoại gọi cho ông Trang Ngọc T6 dẫn lại tiệm mua bán xe của anh Đặng Quốc P ở thành phố H để bán xe 66G1-413.26 vừa lấy trộm, kêu bán giá 3.000.000 đồng nhưng anh P không mua. M lấy một giấy chứng nhận bảo hiểm xe và một giấy phép lái xe mô tô (bản phô tô) ném bỏ tại tiệm rồi điều khiển xe bỏ đi thì gặp Nguyễn Tấn T1 (bạn M), đang đi bộ, nên cho T1 có giang đi chung xe (T1 chở M). Khi đi chung xe, M nói với T1 "Có chỗ nào bán xe này không bạn". T1 hỏi "Xe này ở đâu". Mẫn trả lời "mới đá được", tức là do trộm được, nếu T1 bán giùm sẽ cho tiền. T1 đồng ý. T1 điều khiển xe chở M đến trước cửa Bệnh viện Đa khoa thị xã T, tỉnh An Giang. M đưa giấy đăng ký xe cho T1, chạy xe đi bán cho Nguyễn Thị T5, ngụ khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang, giá 2.000.000 đồng. M đứng đợi T1 đi bán xe, nhưng đợi lâu không thấy T1 quay lại nên bỏ về, sau đó bị bắt. T1 nghe M bị bắt, ngày 19/02/2024, đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, M khai nhận ngoài lần trộm xe của anh Trần Vũ L còn thực hiện hành vi trộm xe nhiều lần trên địa bàn huyện H và thành phố H. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/11/2023, M đi bộ vào đường nội đồng thuộc ấp B, xã T, huyện H lấy trộm chiếc xe Cúp 50, biển số

66GA-018.53, màu trắng, của Lê Văn T2, dựng trên đường không có người trông coi, trên xe có sẵn chìa khóa, điều khiển xe chạy xuống bán cho anh Đỗ Duy K1, ở thành phố H, với giá 500.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 14 giờ ngày 21/12/2023, M đi bộ vào đường nội đồng thuộc ấp T, xã T, huyện H, lấy trộm chiếc xe Wave, biển số 66P1-496.50, màu xanh - đen của ông Trần Văn T3 dựng trên đường, xe không có chìa khóa và không có người trông coi. Mẫn rút dây điện rồi đạp máy khởi động, điều khiển xe chạy vào đường nội đồng thuộc xã A, huyện T giấu xe trong lùm cây. Sau đó, M đi xe buýt về thành phố H, rồi đi bộ về xã T để tiếp tục tìm xe để lấy trộm.

Lần thứ ba: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/12/2023, M đi bộ đến cống H, thuộc ấp B, xã T, huyện H, thấy chiếc xe Dream, màu nâu đen, biển số 66P2-085.60 của anh Nguyễn Văn La T4, dựng ngoài đường trước cửa trại, trên xe có sẵn chìa khóa nhưng anh La T4 còn thức, nên M đi lại đứng nói chuyện với anh La T4. Sau một lúc nói chuyện thì anh La T4 đi vệ sinh. Mẫn lợi dụng việc anh La T4 đi vệ sinh và trời tối nên M lên xe bật chìa khóa khởi động xe rồi điều khiển xe chạy xuống chỗ giấu xe 66P1-496.50 (Lần thứ hai). M lấy xe 66P1-496.50 ra, giấu chiếc xe Dream 66P2-085.60 vào trong bụi cây, sau đó điều khiển xe 66P1-496.50 đến vựa phế liệu tại ấp N, xã A, huyện T, của anh Đ1 Phương Vũ bán phế liệu được 650.000 đồng. Sau đó, M quay lại lấy xe Dream 66P2-085.60 chạy đi chơi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, M tiếp tục đem xe Dream 66P2-085.60 đến vựa phế liệu bán cho anh V1 được 600.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 19 giờ ngày 08/01/2024, M đi bộ vào đường nội đồng thuộc ấp B, xã T, huyện H, lấy trộm chiếc xe Sirius biển số 66G1-068.91, màu đỏ đen của anh Nguyễn Văn V, dựng trên đường không có người trông coi, trên xe có sẵn chìa khóa. Mẫn bật chìa khóa khởi động xe chạy được một đoạn dừng xe lại mở cốp xe lấy được giấy đăng ký xe. Đến khoảng 08 giờ, ngày 09/01/2024, M gọi điện cho ông Trang Ngọc T6 dẫn lại tiệm mua bán xe của anh Đặng Quốc P thành phố H, bán xe được 2.500.000 đồng, cho ông T6 500.000 đồng.

Lần thứ năm: Vào khoảng 11 giờ ngày 19/01/2024, M đi bộ đến ấp B, xã T, huyện H, lấy xe mô tô Wave màu xanh, biển số 52Z2-9405 của ông Trần Văn K, dựng ngoài đường trước cửa nhà, có sẵn chìa khóa trên xe, không có người trông coi. Mẫn khởi động điều khiển xe chạy đến huyện T, tỉnh Long An. Sáng ngày 20/01/2024, M bán xe cho ông Huỳnh Văn N, ngụ huyện T, tỉnh Đồng Tháp, được 750.000 đồng. Sau đó, M dùng tiền bán xe để mua lại xe 66H2-6807 từ hai người thanh niên không biết tên, rồi điều khiển xe chạy 66H2-6807 về thị xã T, tỉnh An Giang thì bị lượng lượng Công an bắt giữ.

Lần thứ sáu: Vào ban đêm, không nhớ thời gian cụ thể trong năm 2023, M lấy trộm 1 chiếc xe Dream màu đen, không nhớ biển số trong bệnh viện Đ2, thuộc phường A, thành phố H. Xe không có chìa khóa, nên M câu dây điện trực tiếp rồi

khởi động xe chạy đến vựa phế liệu của anh Đ1 Phương Vũ bán phế liệu được 550.000 đồng.

Lần thứ bảy: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày tháng không nhớ năm 2023, M lấy trộm 01 chiếc xe mô tô Dream màu đen, không nhớ biển số trên bờ kè gần khu vực phòng cháy, thuộc phường A, thành phố H. Xe có sẵn chìa khóa, M khởi động điều khiển xe đến vựa phế liệu của anh Điều Phương V1 bán 550.000 đồng. Tất cả số tiền bán xe trộm được, M sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 66G1-413.26, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu sơn: đỏ - đen, số khung: RLHJC4323BY320448, số máy: JC43E6257644 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) giấy đăng ký xe số: 031641 (Bản gốc).

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe số: 0841221, biển số 66G1-413.26.

- 01 (một) giấy phép lái xe phô tô hạng B2, số: 890112002362.

- 01 (một) xe mô tô biển số 66G1-068.91, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: đỏ - đen, số khung: RLCS5C640CY712979, số máy: 5C64712986 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) giấy đăng ký xe số: 006579 (Bản gốc).

- 01 (một) xe gắn máy biển số 66GA-018.53, nhãn hiệu: HALIM, loại xe Cup 50, màu sơn: xám - đen, số khung: UMCA004977, số máy: MBL1S004977, (đã qua sử dụng).

- 01 (một) xe mô tô biển số 52Z2-9405, nhãn hiệu: HONDA, loại xe Wave, màu sơn: xanh, số khung: Y-243531, số máy: HC08E-0243394, đã qua sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả cho các bị hại Trần Vũ L, Nguyễn Văn V, Lê Văn T2, Trần Văn K là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 (một) xe mô tô biển số 66H2-6807, nhãn hiệu SUZUKI, số loại: SMASH, số máy: E455132888, số khung: RLSBE4DJ080132888, màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; 01 (một) chắn bùn sau loại xe Wave, màu đen; 01 (một) chắn bùn trước loại xe Dream, màu nâu đen (tất cả đã qua sử dụng); Tiền Việt Nam 1.352.000 đồng (Mẫn nộp 152.000 đồng, Trang Ngọc T6 500.000 đồng, T1 700.000 đồng) liên quan đến việc phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số: 02/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 23/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 66G1-413.26, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu sơn: đỏ - đen, số khung: RLHJC4323BY320448, số máy: JC43E6257644 (xe đã qua sử dụng). Trị giá 5.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 03/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 23/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 66G1-068.91, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: đỏ - đen, số khung: RLCS5C640CY712979, số máy: 5C64712986 (xe đã qua sử dụng). Trị giá 7.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 13/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 07/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận:

- 01 (một) xe gắn máy biển số 66GA-018.53, nhãn hiệu: HALIM, loại xe Cup 50, màu sơn: trắng, số khung: UMCA004977, số máy: MBL1S004977 (đã qua sử dụng). Trị giá 4.050.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô biển số 66P1-469.50, nhãn hiệu: DAYANG, loại xe Wave, màu sơn: xanh - đen, số khung: DY100A8017705, số máy: 150FM8017705 (đã qua sử dụng). Trị giá: 3.500.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô biển số 66P2-085.60, nhãn hiệu: LONCIN, loại xe Dream, màu sơn: nâu, số khung: XCHL00137835, số máy: 0FMG01805849, (đã qua sử dụng). Trị giá 3.750.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô biển số 52Z2-9405, nhãn hiệu: HONDA, loại xe Wave, màu sơn: xanh, số khung: Y-243531, số máy: HC08E-0243394, xe đã qua sử dụng. Trị giá 4.000.000 đồng. (Bút lục 22-24)

Tổng trị giá tài sản là 27.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tất cả các bị hại Trần Vũ L, Nguyễn Văn V, Lê Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Nguyễn Văn La T4 và những người có liên quan Đỗ Quốc P1, Điều Phương V1, Trang Ngọc T6, Đỗ Duy K1, Đỗ Văn N1, Nguyễn Thị T5 đều không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại Cáo trạng truy tố số 36/CT-VKSHN ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt: Lý Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, xử phạt Nguyễn Tấn T1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù tù về "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: Xe mô tô biển số 66H2-6807, số tiền M và Tiệp nộp 1.352.000 đồng, điện thoại di động N2; Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) chắn bùn sau xe Wave, 01 (một) chắn bùn trước xe Dream; Buộc nộp lại tiền thu lợi bất chính M 3.598.000 đồng, T1 1.300.000 đồng, T6 200.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo M xin giảm nhẹ để sớm về với gia đình. Bị cáo T1 xin giảm nhẹ để sớm về với gia đình và xã hội, làm công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ; Theo đề nghị của Kiểm sát viên, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án; Các bị cáo không có ý kiến. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[4] Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo M có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản, cụ thể: Trộm các xe mô tô biển số 66G1-413.26, 66P1-496.50, 66P2-085.60, 66GA-018.53, 66G1-068.91, 52Z2-9405 của các bị hại Trần Vũ L, Nguyễn Văn V, Lê Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Nguyễn Văn La T4; tổng trị giá tài sản là 27.800.000 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo M phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[5] Bị cáo T1 biết xe 66G1-413.26 là do M trộm cắp mà có nhưng vẫn đem bán để hưởng lợi, Bản án số 24/2018/HS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp đã xét xử bị cáo T1 về tội

trộm cắp tài sản với tình tiết tái phạm, chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T1 phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 BLHS:

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm ...

đ) Tái phạm nguy hiểm…

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[6] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì muốn có tiền trên công sức của người khác mà không phải lao động tạo ra, nên bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội. Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây bất an cho người dân, là nguy hiểm cho xã hội.

[8] Về nhân thân: Bị cáo M đang có 01 tiền sự và đã từng có 01 tiền sự. Bị cáo T1 nhân thân rất xấu có 07 tiền án, từng có 01 tiền sự.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Riêng bị cáo M đã tự thú những lần trộm trước đó theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có người thân có công cách mạng; Riêng bị cáo M không biết chữ, lần đầu bị xét xử nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo T1 đầu thú nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[11] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, để bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật như các bị cáo. Xét thấy, với ý thức, tính chất, mức độ, hậu quả từ hành vi của các bị cáo

đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an ở địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân, nên cần phải có một mức hình phạt tương xứng với mức độ lỗi của các bị cáo, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tốt hơn trong việc chấp hành pháp luật, sửa chữa lỗi lầm, phấn đấu trở thành công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[14] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[15] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập trong vụ án này nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn M phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lý Văn M 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2024.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn T1 phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 02 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chắn bùn sau loại xe Wave, màu đen; 01 (một) chắn bùn trước loại xe Dream, màu nâu đen (tất cả đã qua sử dụng).

3.2. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 66H2-6807, nhãn hiệu SUZUKI, số loại: SMASH, số máy: E455132888, số khung: RLSBE4DJ080132888, màu xanh (xe đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (đã qua sử dụng); 1.352.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản

giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng và Biên lai thu tiền cùng ngày 03 tháng 5 năm 2024.

3.3. Buộc nộp vào ngân sách Nhà nước khoản tiền thu lợi bất chính: Bị cáo Lý Văn M 3.598.000 (Ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Tấn T1 1.300.000 (Một triệu ba trăm) đồng, người liên quan Trang Ngọc T6 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lý Văn M và Nguyễn Tấn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 8 năm 2024). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú